VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia

Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch; tổ chức thực hiện kế hoạch; tạm ứng, thanh lý, quyết toán kinh phí khuyến công quốc gia.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện, thụ hưởng và quản lý các chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị thực hiện đề án* là các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công quốc gia và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. *Đơn vị thụ hưởng* là tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công quốc gia.

3.[2] *Đề án khuyến công quốc gia điểm* (sau đây gọi là đề án điểm) là đề án khuyến công quốc gia (sau đây gọi là đề án) được lập theo ngành nghề sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của quốc gia, vùng, địa phương; có từ 02 nội dung hoạt động khuyến công và 02 đối tượng thụ hưởng trở lên; thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm; các nội dung hoạt động khuyến công trong đề án có sự liên kết nhằm khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

4. *Bản sao hợp lệ* là giấy tờ đã được chứng thực hoặc được sao y bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

5.[3] *Đề án khuyến công quốc gia theo nhóm* (sau đây gọi là đề án nhóm) là đề án khuyến công quốc gia có từ 02 đối tượng thụ hưởng trở lên thực hiện cùng một nội dung hoạt động khuyến công.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

6.[4] *Đề án khuyến công quốc gia theo đối tượng cụ thể* là đề án có một đối tượng thụ hưởng xác định cho một nội dung hoạt động khuyến công trên một địa bàn cụ thể.

7.[5] *Nhiệm vụ khuyến công quốc gia thường xuyên* là các nhiệm vụ khuyến công quốc gia do Cục Công Thương địa phương và các đơn vị cung cấp dịch vụ khuyến công thuộc Bộ Công Thương tổ chức thực hiện thường xuyên hàng năm để phục vụ chung cho hoạt động khuyến công cả nước, gồm các nhóm nhiệm vụ sau:

a) Thông tin tuyên truyền:

Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thông qua các hình thức như: xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác;

b) Hợp tác quốc tế về khuyến công:

Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập, khảo sát tại nước ngoài;

c) Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công; tổ chức hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì, phổ biến cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công và sản xuất sạch hơn; xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

---

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Điều 3. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia[6]

1. Các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài (sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ cho một hội chợ, triển lãm); hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp; các đề án truyền thông.

2. Ngoài các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn.

Điều 3a. Cách thức triển khai thực hiện đề án nhóm, đề án điểm[7]

1. Đề án nhóm

a) Đề án nhóm gồm: Đề án đào tạo nghề, truyền nghề; nâng cao năng lực quản lý, khởi sự thành lập doanh nghiệp; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm; hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu;

b) Đề án nhóm không yêu cầu phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp khi thẩm định cấp Bộ. Riêng đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phải lập theo từng lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của vùng, địa phương trên cơ sở danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, chủng loại máy móc thiết bị khi thẩm định cấp Bộ và xác định đơn vị phối hợp, thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị khi lập kế hoạch triển khai để làm cơ sở ký kết hợp đồng khuyến công quốc gia.

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[7] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

2. Đề án điểm

a) Khi thẩm định cấp Bộ, các nội dung hoạt động khuyến công trong năm đầu kế hoạch phải xác định cụ thể địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp (trừ các nội dung theo nhóm thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này);

b) Đối với việc xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo: Các địa phương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh nội dung hoạt động khuyến công phù hợp với tình hình thực tế, lập thành kế hoạch khuyến công quốc gia cho năm dự toán ngân sách trên cơ sở đã xác định cụ thể các nội dung yêu cầu như đối với năm đầu kế hoạch để thẩm định theo quy định;

c) Đề án điểm sau khi được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia trong năm đầu kế hoạch, sẽ được ưu tiên bố trí kinh phí các năm tiếp theo để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II
TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

Điều 4. Nguyên tắc lập đề án khuyến công quốc gia

1.[8] Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với quy hoạch quốc gia, vùng, tỉnh.

2.[9] Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

3. Phù hợp với Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

4. Phù hợp với Thông tư hướng dẫn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về hoạt động khuyến công.

Điều 5. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công quốc gia

Đề án khuyến công quốc gia có những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

6. Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo Mẫu số 1 Phụ lục 1 của Thông tư này.

7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

Điều 6. Trình tự xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia

1. Kế hoạch khuyến công quốc gia được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký của các địa phương, đơn vị. Báo cáo đăng ký các đề án khuyến công quốc gia gửi Cục Công Thương địa phương[10], bao gồm:

a) Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

b)[11] Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo Mẫu số 2 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[10] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

2.[12] Cục Công Thương địa phương rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ theo danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia của các địa phương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng và bổ sung thêm đề án, nhiệm vụ của Cục Công Thương địa phương để tổng hợp kế hoạch khuyến công quốc gia trình Bộ Công Thương xem xét, tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

3. Cục Công Thương địa phương[13] thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia như quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Thông tư này cho phù hợp với dự toán kinh phí khuyến công quốc gia được giao của cấp có thẩm quyền, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia.

4.[14] Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia và dự toán thu chi ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương, Cục Công Thương địa phương thông báo giao nhiệm vụ khuyến công quốc gia thường xuyên cho các đơn vị để tổ chức thực hiện theo quy định. Sau khi có ý kiến thống nhất phân bổ dự toán ngân sách của Bộ Tài chính, Cục Công Thương địa phương thông báo giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia cho các địa phương, đơn vị có đề án để ký hợp đồng, triển khai thực hiện.

Điều 7. Tiêu chí chung và tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án, nhiệm vụ[15]

1. Tiêu chí chung

a) Phù hợp với nguyên tắc lập đề án theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Nội dung hoạt động khuyến công có tác động khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi quốc gia, vùng, địa phương;

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[13] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

c) Phù hợp với mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

d) Đơn vị thực hiện đề án không vi phạm hợp đồng khuyến công quốc gia trong 02 năm gần nhất.

2. Tiêu chí ưu tiên

a) Ưu tiên lựa chọn các đề án điểm; đề án có ngành nghề, địa bàn ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn về khuyến công;

b) Trường hợp các đề án triển khai trên địa bàn có điều kiện như nhau, ngành nghề như nhau thì ưu tiên lựa chọn đề án của đơn vị có kinh nghiệm, năng lực tổ chức thực hiện tốt hơn.

Điều 8. Quy trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia

1.[16] Thẩm định cấp cơ sở

a) Đối với đề án do Sở Công Thương đăng ký và đề án của đơn vị khác thực hiện trên quy mô một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh và các đơn vị lập hồ sơ đề án theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo Mẫu số 16 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này (đối với các năm tiếp theo năm đầu kế hoạch của đề án điểm) gửi về Sở Công Thương.

Sở Công Thương tổ chức thẩm định cấp cơ sở các đề án thông qua bộ máy giúp việc hoặc Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Sau khi thẩm định, các đề án được tổng hợp theo Mẫu số 2 hoặc Mẫu số 14 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này kèm hồ sơ đề án hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia gửi về Cục Công Thương địa phương để thẩm định cấp Bộ; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh mục đề án, nhiệm vụ để báo cáo;

b) Đối với đề án, nhiệm vụ do Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng đăng ký và đề án của đơn vị khác thực hiện trên quy mô nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng và các đơn vị tổ chức rà soát, đánh giá các đề án, nhiệm vụ theo các nội dung quy định tại Điều 9 Thông tư này. Kết quả đánh giá được tổng hợp và gửi cùng hồ sơ đề án hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia (đối với đề án điểm) về Cục Công Thương địa phương để thẩm định cấp Bộ.

2.[17] Thẩm định cấp Bộ

Cục Công Thương địa phương tổ chức thẩm định cấp Bộ các đề án, nhiệm vụ thông qua bộ máy giúp việc hoặc Hội đồng thẩm định do Cục trưởng Cục Công Thương địa phương quyết định thành lập. Cục trưởng Cục Công Thương địa phương có thể quyết định mời các chuyên gia, cán bộ chuyên môn tư vấn trong việc lựa chọn các đề án, nhiệm vụ khi thẩm định. Sau khi thẩm định, các đề án, nhiệm vụ được tổng hợp thành kế hoạch khuyến công quốc gia.

3. Phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia

Sau khi thẩm định cấp Bộ, Cục Công Thương địa phương[18] hoàn thiện hồ sơ để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia, hồ sơ trình Bộ trưởng gồm:

- Tờ trình của Cục Công Thương địa phương[19] trình Bộ trưởng Bộ Công Thương đề nghị phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia; Biên bản thẩm định cấp Bộ (đối với trường hợp thành lập Hội đồng);

- Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia của Bộ trưởng Bộ Công Thương, kèm biểu tổng hợp chi tiết các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia.

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[18] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[19] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Điều 9. Nội dung thẩm định

1. Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

3. Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

4. Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

5. Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

Điều 10. Hồ sơ và thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia

1.[20] Đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia

a) Các đơn vị gửi đăng ký kế hoạch về Sở Công Thương gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị của đơn vị;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia.

b) Sở Công Thương tổng hợp, lựa chọn và gửi báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này về Cục Công Thương địa phương trước ngày 20 tháng 6 hàng năm.

2.[21] Hồ sơ thẩm định cấp cơ sở

Các đơn vị gửi 02 bộ hồ sơ đề án đã đăng ký hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia (đối với đề án điểm) về Sở Công Thương để thẩm định cấp cơ sở.

Hồ sơ đề án gồm: Đề án được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư này; Văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị thụ hưởng (đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng). Một số dạng đề án phải kèm theo các tài liệu như quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[20] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

3.[22] Hồ sơ thẩm định cấp Bộ

Các địa phương, đơn vị và Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng gửi 01 bộ hồ sơ đề án đã đăng ký hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia (đối với đề án điểm) về Cục Công Thương địa phương trước ngày 30 tháng 9 hàng năm (trường hợp khác theo hướng dẫn của Cục Công Thương địa phương) để thẩm định cấp Bộ. Hồ sơ đề án gồm:

- Đề án khuyến công quốc gia;

- Phiếu thẩm định cấp cơ sở (theo Mẫu số 4a hoặc 4b của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Một số dạng đề án phải kèm theo các tài liệu như quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, đơn vị thực hiện phải có văn bản (đối với các đề án do Sở Công Thương đăng ký kế hoạch hoặc đề án do đơn vị khác thực hiện trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phải có xác nhận hoặc văn bản đề nghị của Sở Công Thương) gửi Cục Công Thương địa phương[23], trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của các đơn vị thực hiện, Cục Công Thương địa phương[24] xem xét phê duyệt hoặc trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt, cụ thể như sau:

---

[22] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[23] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[24] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

a)[25] Cục Công Thương địa phương trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh: Tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ; thay đổi nội dung hoạt động khuyến công; gia hạn thời gian thực hiện đề án sang năm tiếp theo; bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án để điều chỉnh kinh phí hỗ trợ giữa các đơn vị thực hiện trong năm ngân sách;

b) Cục Công Thương địa phương[26] phê duyệt các đề nghị điều chỉnh: thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, thời gian (trong năm tài chính) thực hiện đề án; các điều chỉnh không làm thay đổi hoặc điều chỉnh giảm tổng mức kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và các điều chỉnh khác (trừ các nội dung điều chỉnh quy định tại Khoản 4, Điều này). Các điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Cục Công Thương địa phương[27] thực hiện thông qua các hình thức: Ban hành quyết định điều chỉnh giao nhiệm vụ hoặc điều chỉnh thông qua điều chỉnh các nội dung điều khoản tại hợp đồng thực hiện đề án khuyến công quốc gia.

3. Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Cục Công Thương địa phương[28] xem xét, trình Bộ Công Thương quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

4.[29] Đối với các đề án nhóm do Sở Công Thương thẩm định, đăng ký (trừ đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ

---

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[26] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[27] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[28] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

công nghiệp), khi điều chỉnh thay đổi địa điểm, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, Sở Công Thương chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và điều chỉnh kế hoạch thực hiện, đồng thời gửi văn bản điều chỉnh về Cục Công Thương địa phương để theo dõi, tạm ứng, thanh quyết toán.

Chương III
TẠM ỨNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA VÀ CHỨNG TỪ CHI ĐỐI VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Điều 12. Nguyên tắc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí

1.[30] Việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí khuyến công quốc gia áp dụng đối với các đơn vị thực hiện đề án, nhiệm vụ của một số nội dung hoạt động khuyến công quốc gia (bên B) thông qua hợp đồng ký với Cục Công Thương địa phương theo kế hoạch khuyến công quốc gia được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Đối với các đề án, nhiệm vụ giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ Công Thương, Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp thực hiện thẩm định dự toán, xét duyệt quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí phải căn cứ vào hợp đồng thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia (sau đây gọi là hợp đồng thực hiện đề án), phù hợp với tiến độ thực hiện đề án, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định tại Thông tư này.

3. Việc mua hàng hóa, dịch vụ cho các hợp đồng phục vụ các hoạt động khuyến công, đơn vị thực hiện đề án phải thực hiện theo Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong việc sử dụng kinh phí đều phải có chứng từ hợp pháp theo quy định, tuân thủ chế độ tài chính hiện hành và các quy định tại Thông tư này.

---

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

5. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng chế độ; quyết toán kinh phí đã sử dụng với Cục Công Thương địa phương[31]; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán và những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán sai chế độ.

6.[32] Đơn vị thực hiện đề án phải hoàn trả Cục Công Thương địa phương để nộp ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí đã nhận nhưng không có khối lượng thanh toán, những khoản kinh phí đã sử dụng nhưng không được quyết toán theo chế độ quy định.

7. Đơn vị thực hiện đề án được tạm ứng theo tỷ lệ, hồ sơ như quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Thông tư này.

Điều 13. Tạm ứng kinh phí lần một

1. Tạm ứng 30% kinh phí hỗ trợ của đề án

a)[33] Đối với các đề án hỗ trợ: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp;

b) Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án; hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và chủ đầu tư; hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư thuê ngoài); Báo cáo tiến độ của đơn vị thực hiện đề án xác định đã thực hiện được trên 50% khối lượng công việc của hạng mục được hỗ trợ.

2. Tạm ứng 70% kinh phí hỗ trợ của đề án

a) Đối với đề án tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề

Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án; kế hoạch tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề của đơn vị thực hiện theo Mẫu số 11 Phụ lục 1 của Thông tư này.

---

[31] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[33] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

b)[34] Đối với các đề án hỗ trợ hoạt động: Tư vấn, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn; tham quan khảo sát; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ các phòng trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm tại các cơ sở công nghiệp nông thôn; thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp; đánh giá sản xuất sạch hơn.

Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án; kế hoạch tổ chức thực hiện đề án của đơn vị thực hiện (đối với các hoạt động đào tạo, hội nghị, hội thảo, tham quan khảo sát; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu);

c)[35] Đối với các đề án hỗ trợ: Tổ chức hội chợ, triển lãm; hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xây dựng cơ sở dữ liệu, trang thông tin điện tử; in tờ rơi, tờ gấp; các hình thức thông tin đại chúng khác; lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.

Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án; hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện với chủ đầu tư (đối với đề án hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp);

d)[36] Đối với các đề án hỗ trợ: Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, dây chuyền công nghệ vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn; sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn.

Hồ sơ tạm ứng: Hợp đồng thực hiện đề án, báo cáo tiến độ của đơn vị thực hiện xác định giá trị khối lượng công việc đã thực hiện tương ứng trên 70% tổng vốn đầu tư của dự án.

3.[37] ***(được bãi bỏ).***

---

[34] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[35] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[36] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[37] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Điều 14. Tạm ứng kinh phí còn lại

Số kinh phí thực hiện đề án còn lại được tạm ứng sau khi đề án đã hoàn thành và được nghiệm thu cơ sở. Để được tạm ứng kinh phí còn lại, đơn vị thực hiện đề án phải gửi về Cục Công Thương địa phương[38]: Biên bản nghiệm thu cơ sở theo Mẫu số 5a hoặc 5b hoặc 5c Phụ lục 1 của Thông tư này; báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án; báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng (theo Mẫu số 3b Phụ lục 1 của Thông tư này) và bản chính hoặc bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng từ dưới đây:

1. Đề án tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, hồ sơ gồm: Quyết định cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận; danh sách học viên được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận (có chữ ký của học viên); danh sách lao động được sử dụng sau đào tạo (có xác nhận của cơ sở công nghiệp nông thôn sử dụng lao động và đơn vị thực hiện đề án); hóa đơn chứng từ thanh toán hoặc danh sách ký nhận tiền ăn, tiền đi lại của học viên (nếu có).

2. Đề án hỗ trợ các hoạt động: Tư vấn, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn:

a) Đề án hỗ trợ tư vấn: Hợp đồng; biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thuê tư vấn kèm theo sản phẩm hoặc kết quả của hoạt động tư vấn; bảng kê chứng từ thanh toán kèm theo chứng từ chi tương ứng 100% số kinh phí thực hiện.

b) Đối với đề án đào tạo: Danh sách học viên được cấp chứng nhận (có chữ ký của học viên); giáo trình, tài liệu đào tạo; hóa đơn chứng từ thanh toán hoặc danh sách ký nhận tiền ăn của học viên (nếu có).

c) Đối với đề án tập huấn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn: Danh sách đại biểu tham dự (có chữ ký của đại biểu); tài liệu; hóa đơn chứng từ thanh toán hoặc danh sách ký nhận tiền ăn, tiền thuê chỗ nghỉ, tiền đi lại của đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (nếu có).

3. Đề án hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật: Hóa đơn chứng từ hạng mục được hỗ trợ; danh sách đại biểu tham dự hội nghị mô hình trình diễn kỹ thuật (có chữ ký của đại biểu) có xác nhận của đơn vị thực hiện và đơn vị thụ hưởng; tài

---

[38] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

liệu giới thiệu mô hình; hóa đơn chứng từ thanh toán hoặc danh sách ký nhận tiền ăn, tiền thuê chỗ nghỉ, tiền đi lại của đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (nếu có).

4. Đề án hỗ trợ chuyển giao công nghệ tiên tiến: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ.

5. Đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua máy móc.

6. Đề án hỗ trợ đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp: Báo cáo đánh giá sản xuất sạch hơn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các tài liệu có liên quan.

7. Đề án hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu: Giấy chứng nhận đăng ký thương hiệu hoặc nhãn hiệu hàng hóa; quy chế sử dụng nhãn hiệu (đối với nhãn hiệu tập thể); chiến lược hoặc kế hoạch xây dựng quảng bá thương hiệu; bảng kê chứng từ thanh toán kèm theo chứng từ chi tương ứng 100% số kinh phí thực hiện.

8. Đề án xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp dịch vụ; danh sách các sản phẩm kèm theo sản phẩm mẫu (nếu có); giấy phép hoạt động (đối với trang thông tin điện tử).

9. Đề án hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề: Quyết định thành lập và điều lệ hoạt động của hiệp hội, hội ngành nghề do cấp có thẩm quyền phê duyệt; danh sách các hội viên; bảng kê chứng từ thanh toán kèm theo chứng từ chi tương ứng 100% số kinh phí thực hiện.

10. Đề án tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ: Danh sách các Sở Công Thương, cơ sở công nghiệp nông thôn, tổ chức dịch vụ khuyến công có liên quan tham gia hội chợ, triển lãm thuê gian hàng có xác nhận của Sở Công Thương nơi tổ chức (bản chính); hợp đồng thuê gian hàng giữa đơn vị được hỗ trợ và đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm (trong đó phải ghi rõ vị trí gian hàng, số lượng gian hàng, giá thuê gian hàng và mức được khuyến công quốc gia hỗ trợ).

11. Đề án hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước: Danh sách cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia tham gia hội chợ triển lãm có xác nhận của Sở Công Thương nơi tổ chức hội chợ, triển lãm hoặc xác nhận của Sở Công Thương nơi có cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia hội

chợ, triển lãm đối với những hội chợ, triển lãm không do Sở Công Thương chủ trì tổ chức (bản chính); hợp đồng thuê gian hàng giữa cơ sở công nghiệp nông thôn và đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ (trong đó phải ghi rõ vị trí gian hàng, số lượng gian hàng, giá thuê gian hàng và mức kinh phí được khuyến công quốc gia hỗ trợ); hóa đơn tài chính của đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm thu tiền thuê gian hàng của cơ sở công nghiệp nông thôn.

12. Đề án hỗ trợ xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp: Quyết định phê duyệt cụm liên kết của cơ quan có thẩm quyền; bảng kê chứng từ thanh toán kèm theo chứng từ chi tương ứng 100% số kinh phí thực hiện.

13.[39] Đề án hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp: Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết của cơ quan có thẩm quyền; Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng tương ứng 100% số kinh phí thực hiện.

14. Đề án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp; hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp và tại cơ sở công nghiệp nông thôn: Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục hoặc công trình (được hỗ trợ) đưa vào sử dụng của chủ đầu tư kèm bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; văn bản xác nhận kết quả đầu ra đạt chuẩn quy định của hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường (đối với hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường).

Trong trường hợp chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp hoặc đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp là doanh nghiệp: Bổ sung thêm báo cáo kiểm toán quyết toán hạng mục hoặc công trình được hỗ trợ của đơn vị kiểm toán độc lập.

15. Đề án tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động: Quyết định thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo; quyết định kèm danh sách đạt giải thưởng.

16.[40] Đối với đề án hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn: Thực hiện thanh toán 01 lần sau khi đề án hoàn thành; hồ sơ thanh toán gồm:

---

[39] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[40] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Hợp đồng thực hiện đề án; biên bản nghiệm thu cơ sở theo Mẫu số 5b của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án; báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 3b của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 15. Tạm ứng đối với đề án thực hiện nhiều năm và đề án điểm[41]

1. Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào khu, cụm công nghiệp: Hợp đồng thực hiện đề án; biên bản nghiệm thu cơ sở theo Mẫu số 5a Phụ lục 1 của Thông tư này; báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 3b của Thông tư này; bản sao hợp lệ hợp đồng tín dụng với ngân hàng về việc vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua máy móc thiết bị của cơ sở công nghiệp nông thôn; chứng từ thể hiện đã trả lãi suất vốn vay cho ngân hàng trong hai năm đầu để làm căn cứ tạm ứng; bản sao hợp lệ hợp đồng và thanh lý hợp đồng với nhà thầu về xây dựng, mua máy móc thiết bị cho cơ sở công nghiệp nông thôn.

2.[42] Đề án điểm và các đề án khác

a) Tạm ứng kinh phí lần một: Theo tỷ lệ và hồ sơ tạm ứng như quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 của Thông tư này tương ứng với từng dạng đề án;

b) Tạm ứng kinh phí lần tiếp theo: Tạm ứng theo tiến độ thực hiện, dự toán được phê duyệt và các quy định tại hợp đồng thực hiện đề án;

c) Tạm ứng kinh phí còn lại: Hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này tương ứng với từng dạng đề án.

Điều 16. Thay đổi tỷ lệ, hồ sơ tạm ứng và các đề án, nhiệm vụ khác

1. Trường hợp khi thực hiện đề án phải thay đổi tỷ lệ tạm ứng khác với quy định tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư này để hoàn thành đề án được

---

[41] Tiêu đề của Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[42] Tiêu đề của khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

giao, Cục trưởng Cục Công Thương địa phương[43] xem xét, quyết định tỷ lệ, hồ sơ tạm ứng nhưng không trái với các quy định tài chính hiện hành.

2. Các đề án, nhiệm vụ khác chưa quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư này do Cục trưởng Cục Công Thương địa phương[44] quyết định tỷ lệ và hồ sơ tạm ứng phù hợp với các quy định hiện hành.

Điều 17. Chứng từ chi

Chứng từ chi là toàn bộ chứng từ thanh toán gồm phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi hoặc giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và chứng từ gốc của từng nội dung chi theo quy định hiện hành. Phụ lục 4 của Thông tư này quy định cụ thể chứng từ gốc của một số hoạt động khuyến công.

Điều 18. Thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí

1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu cơ sở đề án cuối cùng trong hợp đồng, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Cục Công Thương địa phương[45] quy định thời gian, địa điểm để thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí với đơn vị cho phù hợp, nhưng không được chậm quá ngày 22 tháng 01 của năm sau.

3. Trường hợp đơn vị thực hiện đề án lập hồ sơ quyết toán không đảm bảo thời hạn quyết toán nêu tại Khoản 2, Điều 18 của Thông tư này, Cục Công Thương địa phương[46] căn cứ vào biên bản nghiệm thu cơ sở và biểu đề nghị thanh toán kinh

---

[43] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[44] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[45] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[46] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

phí thực hiện đề án theo Mẫu số 9 Phụ lục 1 của Thông tư này, để thanh toán với Kho bạc Nhà nước số kinh phí đã tạm ứng cho đơn vị. Cục Công Thương địa phương[47] quy định thời gian, địa điểm để thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí với các đơn vị thực hiện đề án.

4. Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng. Cục Công Thương địa phương[48] xem xét quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện. Hồ sơ để thanh lý, quyết toán hợp đồng trong trường hợp này gồm: Văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án; biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng đã thực hiện của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc xã nơi thực hiện đề án; chứng từ chi cho khối lượng công việc đã thực hiện theo quy định.

Điều 19. Hồ sơ quyết toán

1. Đối với các đơn vị thực hiện đề án không lập hóa đơn tài chính cho Cục Công Thương địa phương[49], hồ sơ quyết toán gồm:

a) Biên bản nghiệm thu cơ sở theo Mẫu số 5a Phụ lục 1 của Thông tư này;

b) Biểu đề nghị thanh toán kinh phí thực hiện đề án theo Mẫu số 9 Phụ lục 1 của Thông tư này (nếu có);

c) Biểu chi tiết quyết toán kinh phí theo Mẫu số 7 Phụ lục 1 của Thông tư này;

d) Bảng kê chứng từ đề nghị quyết toán theo Mẫu số 8a Phụ lục 1 của Thông tư này, kèm theo chứng từ chi của từng đề án như quy định tại Phụ lục 4 và toàn bộ tài liệu như quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Thông tư này;

Đối với các đề án được nhà nước hỗ trợ kinh phí theo tỷ lệ phần trăm tổng kinh phí thực hiện, đơn vị thực hiện phải lập bảng kê chứng từ đề nghị quyết toán, bao gồm

---

[47] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[48] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[49] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

cả phần kinh phí từ nguồn khác (theo Mẫu số 8b Phụ lục 1 của Thông tư này) kèm theo toàn bộ chứng từ chi.

2. Đối với các đơn vị thực hiện đề án có lập hóa đơn tài chính xuất cho Cục Công Thương địa phương[50], hồ sơ quyết toán gồm:

a) Biên bản nghiệm thu cơ sở (theo Mẫu số 5b hoặc 5c Phụ lục 1 của Thông tư này);

b) Hóa đơn tài chính;

c) Các hồ sơ, tài liệu, chứng từ theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Thông tư này.

3. Khi thanh lý hợp đồng thực hiện đề án cuối cùng trong năm, đơn vị thực hiện đề án phải lập Bảng đối chiếu kinh phí theo Mẫu số 10 Phụ lục 1 của Thông tư này.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Cục Công Thương địa phương[51]

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập đề án, dự toán, xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia hàng năm. Tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công quốc gia được phê duyệt và tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí khuyến công quốc gia.

2. Tổ chức thực hiện đấu thầu đối với các đề án, nhiệm vụ phải thực hiện đấu thầu do Bộ trưởng Bộ Công Thương giao cho Cục Công Thương địa phương[52] trực tiếp thực hiện. Tổ chức nghiệm thu các đề án, nhiệm vụ được giao theo quy định.

---

[50] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[51] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[52] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia và việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

4. Cục Công Thương địa phương[53] quản lý, theo dõi và tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công quốc gia trên phạm vi cả nước báo cáo Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và thực hiện các đề án khuyến công quốc gia tại địa phương khi được phê duyệt. Chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu cơ sở và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành.

2. Đối với các đề án, nhiệm vụ do Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở:

a)[54] Sở Công Thương kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề án đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định; phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện đối với đề án nhóm và đề án điểm. Riêng đối với đề án điểm, ngoài việc thẩm định cấp cơ sở cho cả giai đoạn của đề án, Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở đối với các nội dung hoạt động khuyến công theo từng năm kế hoạch; kiểm tra, nghiệm thu từng nội dung trong đề án; chỉ đạo đơn vị thực hiện lập báo cáo kết quả thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công theo từng năm và báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện sau khi kết thúc đề án. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Báo cáo tài chính, các tài liệu liên quan khác phục vụ công tác thẩm định được lưu tại Sở Công Thương;

b) Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định hồ sơ, lý do điều chỉnh, bổ sung, ngừng thực hiện và tình hình thực tế tại cơ sở công nghiệp trước

---

[53] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[54] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

khi quyết định điều chỉnh hoặc đề nghị Cục Công Thương địa phương[55] điều chỉnh, bổ sung, ngừng thực hiện đề án (nếu có);

c)[56] Đối với một số dạng đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu: Sau khi nhận được quyết định giao kế hoạch khuyến công quốc gia của Bộ trưởng Bộ Công Thương, căn cứ phân cấp quản lý tại địa phương, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền hoặc chỉ đạo đơn vị thực hiện đề án tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định và gửi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu về Cục Công Thương địa phương để làm cơ sở ký kết hợp đồng khuyến công quốc gia.

3. Phối hợp với Cục Công Thương địa phương[57], các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện các đề án, nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn địa phương.

4. Sở Công Thương kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc, kinh phí thực hiện tại các báo cáo tiến độ để đề nghị tạm ứng và hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hợp đồng khuyến công quốc gia theo quy định.

5. Sở Công Thương tổng hợp báo cáo (quý, 6 tháng, tổng kết năm; báo cáo đột xuất) tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công quốc gia trên địa bàn địa phương gửi Cục Công Thương địa phương[58] và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Sở Công Thương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề có liên quan đến thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn.

---

[55] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[56] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[57] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[58] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

7.[59] Đối với đề án về sản xuất sạch hơn: Ngoài việc thực hiện nghiệm thu cơ sở theo quy định tại Thông tư này, Sở Công Thương thành lập Hội đồng đánh giá có ít nhất 05 thành viên do Lãnh đạo Sở Công Thương làm Chủ tịch, các thành viên còn lại là cán bộ chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành và chuyên gia về đánh giá sản xuất sạch hơn. Hội đồng có trách nhiệm họp, xem xét kết quả và lập biên bản đánh giá.

Điều 22. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng

1. Lập hồ sơ đề án, nhiệm vụ và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện theo quy định. Phối hợp với Sở Công Thương, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, nghiệm thu các đề án được giao theo các quy định về công tác khuyến công và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

2. Tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng (gửi Cục Công Thương phương[60] trước ngày 25 hàng tháng), báo cáo quý, 6 tháng, tổng kết năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Cục Công Thương địa phương[61] và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện

1. Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng kế

---

[59] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[60] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[61] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

hoạch, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia; các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động khuyến công quốc gia.

2. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công quốc gia theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết và các quy định hiện hành. Thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán theo quy định tại Thông tư này; sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

3. Đối với các đề án lập theo nhóm, sau khi được giao kế hoạch đơn vị thực hiện đề án rà soát và lập kế hoạch (theo Mẫu số 11 Phụ lục 1 của Thông tư này) trình Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt kế hoạch để tổ chức thực hiện; đồng thời gửi Cục Công Thương địa phương[62] để theo dõi tạm ứng, quyết toán. Các tài liệu như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Bảng cân đối kế toán và các tài liệu liên quan khác lưu tại đơn vị thực hiện đề án.

4. Trách nhiệm tổng hợp báo cáo

a)[63] Các đơn vị thực hiện đề án hàng tháng lập báo cáo tiến độ thực hiện các đề án theo Mẫu số 3a của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Công Thương địa phương, Sở Công Thương trước ngày 25 hàng tháng. Đối với báo cáo tiến độ liên quan đến đề nghị tạm ứng kinh phí khuyến công phải có kiểm tra, xác nhận của Sở Công Thương nơi triển khai thực hiện đề án;

b) Khi kết thúc thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng);

c) Tổng hợp báo cáo đột xuất, báo cáo phục vụ kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án và việc sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

---

[62] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[63] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

6. Phối hợp với Cục Công Thương địa phương[64], Sở Công Thương tổ chức nghiệm thu cơ sở các đề án khuyến công theo quy định.

7. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Hiệu lực thi hành[65]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2014 và thay thế các quyết định: Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia; Quyết định số 17/2008/QĐ-BCT ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành quy định về việc biên soạn tài liệu đào tạo thực hiện bằng kinh phí khuyến công; Quyết định số 5918/QĐ-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành quy chế tạm ứng, thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí khuyến công quốc gia và chứng từ chi đối với một số hoạt động trong Chương trình khuyến công.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung theo quy định.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 17/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Quốc Hưng

---

[64] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[65] Điều 3 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018 quy định như sau:

*"**Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư số 36/2013/TT-BCT và Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương (qua Cục Công Thương địa phương) để hướng dẫn, giải quyết./."

Phụ lục 1: CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu số 1

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

Đơn vị tính: *Triệu đồng*

TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Trong đó			
			Kinh phí khuyến công quốc gia	Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5
	Cộng					

1. (Tên đơn vị thực hiện đề án) cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi đề nghị hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư vốn có văn bản cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án (sau khi trừ đi số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

---

1. Đối với các đề án thực hiện trong nhiều năm: tại các cột 1, 2, 3, 4 bổ sung thêm các cột để lập kế hoạch kinh phí chi tiết theo từng năm.

2. Cột số 5 ghi rõ nguồn vốn khác.

Mẫu số 2[66]

Tên đơn vị:.....

DANH MỤC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM....

(Áp dụng đối với nhiệm vụ, đề án nhóm và đề án theo đối tượng cụ thể)

Đơn vị tính: *Triệu đồng*

STT	Tên đề án	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu và nội dung chính	Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian		Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú[1]
					Bắt đầu *(tháng)*	Kết thúc *(tháng)*		Kinh phí khuyến công quốc gia	Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác	
	Cộng										

..., ngày... tháng... năm...

Thủ trưởng[2]

(Ký tên, đóng dấu)

[1] Ghi rõ nguồn kinh phí tại cột nguồn khác vào cột ghi chú.

[2] Thủ trưởng đơn vị là Giám đốc Sở Công Thương ký đối với đề án do Sở Công Thương đăng ký; Giám đốc Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng ký đối với đề án do Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng đăng ký; Thủ trưởng của các tổ chức dịch vụ khuyến công khác ký đối với các đề án do tổ chức dịch vụ khuyến công đăng ký.

[66] Mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 3a

Tên đơn vị:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA
(Hợp đồng số: /HĐ-CTĐP ngày... tháng... năm 20...)
Tháng... năm 20...

I. ĐỀ ÁN 1 *(tên đề án ghi theo Hợp đồng)***:**

1. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: - Bắt đầu:
- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện:

2.1. Báo cáo cụ thể các công việc đã thực hiện theo từng nội dung, tiến độ trong đề án và hợp đồng; các chỉ tiêu đã đạt được; nêu khó khăn tồn tại (nếu có).

2.2. Dự kiến kế hoạch thực hiện tháng tới.

3. Tình hình sử dụng kinh phí:

3.1. Tình hình sử dụng kinh phí:

ĐVT: *1000 đồng*

TT	Khoản chi(1)	Tổng theo dự toán			Đã chi (4)			Ghi chú
		Tổng	Khuyến công quốc gia(2)	Nguồn khác(3)	Tổng	Khuyến công quốc gia	Nguồn khác	
	Cộng							

3.2. Số kinh phí khuyến công quốc gia của đề án đã nhận theo hợp đồng:

4. Nhận xét, kiến nghị.

II. ĐỀ ÁN 2: *(nếu có)*

..., Ngày... tháng... năm 20...
Xác nhận của Sở Công Thương(5)
nơi thực hiện đề án hoặc cơ quan chủ quản
(đối với tổ chức kinh tế - xã hội)
(Ký tên, đóng dấu)

....., Ngày... tháng... năm 20...
Đơn vị thực hiện
(Ký tên, đóng dấu)

(1). Phân mục các khoản chi theo dự toán kinh phí tại đề án.
(2). Theo dự toán tại phụ lục hợp đồng đã ký.
(3). Theo dự toán tại đề án.
(4). Đã chi đến thời điểm báo cáo.
(5). Xác nhận đối với báo cáo tiến độ có xác nhận khối lượng công việc để đề nghị tạm ứng kinh phí khuyến công quốc gia.

Mẫu số 3b

Đơn vị..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA
(Hợp đồng số:...../HĐ-CTĐP ngày... tháng... năm 20...)
Đến ngày..... tháng.... năm 20...

I. ĐỀ ÁN 1:

1. Thời gian thực hiện đề án theo hợp đồng *(theo thực tế triển khai)***:**

- Bắt đầu:
- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện:

TT	Chỉ tiêu[1]	Theo yêu cầu của hợp đồng	Thực tế đạt được

3. Tình hình sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia:

3.1. Kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ:..... đồng

3.2. Giá trị tính theo khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành (chỉ tính phần kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ):..... đồng

3.3. Kinh phí khuyến công quốc gia đã tạm ứng:..... đồng.

3.4. Kinh phí khuyến công quốc gia còn phải tạm ứng theo khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành:..... đồng

4. Nhận xét, kiến nghị *(nếu có):*.....

II. ĐỀ ÁN 2: *(nếu 01 hợp đồng gồm nhiều đề án)*

....., Ngày... tháng... năm 20...
Xác nhận của Sở Công Thương hoặc cơ quan chủ quản/quản lý[2]
(Ký tên, đóng dấu)

....., Ngày... tháng... năm 20...
Đơn vị thực hiện
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1]. Ghi theo phụ lục hợp đồng.

[2]. Xác nhận của Sở Công Thương đối với đề án do Sở Công Thương đăng ký hoặc thẩm định cấp cơ sở; xác nhận của cơ quan chủ quản đối với các đề án do tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội, Viện, trường (nếu có); Cục CTĐP đối với trường hợp còn lại.

Mẫu số 4a[67]

Tên đơn vị:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA CẤP CƠ SỞ
(Áp dụng chung cho đề án nhóm và đề án điểm (thẩm định cả giai đoạn))

Tên đề án:.....

Đơn vị thực hiện:.....

- Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017);

- Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018);

- Căn cứ Hồ sơ đề án đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia/Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia năm.... của...;

- Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn (nếu có);

- Căn cứ khác (nếu có).

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Mức độ phù hợp của đề án

1.1. Đánh giá sự phù hợp của nguyên tắc lập đề án được quy định tại Điều 4 của Thông tư.....

1.2. Đánh giá các nội dung chính của đề án theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 9 của Thông tư.....

---

[67] Mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

1.3. Đánh giá đối tượng của đề án so với quy định tại Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 46/2012/TT-BCT, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT.

2. Đánh giá nội dung đề án

2.1. Về mục tiêu, sự cần thiết, hiệu quả:.....

2.2. Khả năng lồng ghép các dự án, chương trình mục tiêu khác:.....

.....

2.3. Đề án thuộc diện ưu tiên (theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; Điều 6 Thông tư số 46/2012/TT-BCT; khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT):.....

3. Về dự toán kinh phí:

Tổng kinh phí thực hiện:..... triệu đồng. Trong đó: Kinh phí khuyến công quốc gia đề nghị hỗ trợ:..... triệu đồng *(ghi cụ thể đối với số kinh phí của năm dự toán ngân sách và dự kiến số kinh phí phân bổ cho các năm tiếp theo đối với đề án điểm)*; nguồn khác:..... triệu đồng (nêu rõ nguồn). Đề án này chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước cho nội dung chi đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia.

4. Đánh giá sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu đề án:.....

.....

II. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

.....

.....

.....

III. KIẾN NGHỊ

Kết quả thẩm định... *(tên đề án)* của... *(tên đơn vị)* đáp ứng được nội dung chương trình hoạt động khuyến công và đúng các quy định hiện hành.

Đề nghị Cục Công Thương địa phương thẩm định, tổng hợp và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt./.

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ký tên và đóng dấu)

Tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ đề án;
- Tài liệu khác.

Mẫu số 4b[68]

Tên đơn vị:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA CẤP CƠ SỞ
(Áp dụng cho đề án theo đối tượng cụ thể)

Tên đề án:.....
Đơn vị thực hiện:.....
Đơn vị thụ hưởng:.....
Địa điểm đăng ký kinh doanh:.....
Địa điểm thực hiện:.....

- Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017);

- Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018);

- Căn cứ Hồ sơ đề án đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia/Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia năm.... của...;

- Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn (nếu có);

- Căn cứ khác (nếu có).

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Đánh giá phạm vi và đối tượng (1)

- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn.....; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:...; ngành nghề kinh doanh (có liên quan):...; ngày cấp:.....; nơi cấp.....

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm... là... lao động. Tổng doanh thu của năm là... đồng; Tổng nguồn vốn là... đồng theo Báo cáo tài chính năm...(2).

---

[68] Mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Nhận xét: *(Tên cơ sở công nghiệp nông thôn)* là đúng đối tượng áp dụng theo quy định.

2. Đánh giá nội dung đề án

2.1. Đánh giá các nội dung chính của đề án quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

(Lưu ý: Nêu tóm tắt những đặc điểm vượt trội của công nghệ, sản phẩm, máy móc,.... cần hỗ trợ thực hiện. Đối với mô hình trình diễn kỹ thuật đánh giá các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT. Đối với ứng dụng máy móc tiên tiến đánh giá các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT).

2.2. Đề án thuộc diện ưu tiên (theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 46/2012/TT-BCT và khoản 4, khoản 5 Thông tư số 20/2017/TT-BCT):.....

3. Về dự toán kinh phí: Tổng kinh phí:... triệu đồng. Trong đó: Kinh phí khuyến công quốc gia đề nghị hỗ trợ:... triệu đồng; nguồn khác:... triệu đồng (nêu rõ nguồn). Trong đề án này chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước cho nội dung chi đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia.

4. Đánh giá sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu đề án:.....
.....

II. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

.....

III. KIẾN NGHỊ

Kết quả thẩm định đề án (*tên*.....) của đơn vị (*tên*.....) đáp ứng được nội dung chương trình hoạt động khuyến công và đúng các quy định hiện hành. Đề nghị thứ tự ưu tiên của đề án...../..... trong Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch KCQG.

Đề nghị Cục Công Thương địa phương thẩm định, tổng hợp và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt./.

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG
(Ký tên và đóng dấu)

Tài liệu kèm theo:
- Hồ sơ đề án;
- Tài liệu khác....

---

(1) Đối với hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại cụm công nghiệp: ghi chung nhóm đối tượng thụ hưởng.

(2) Chỉ ghi đối với cơ sở công nghiệp nông thôn là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn không phải ghi phần này.

Mẫu số 5a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CƠ SỞ
(Lập cho từng địa điểm triển khai đề án)

ĐỀ ÁN:.....

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

Căn cứ hợp đồng số:...../HĐ-CTĐP ngày tháng năm 20.... về việc triển khai thực hiện đề án khuyến công quốc gia giữa Cục Công Thương địa phương[69] *và.....*

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm 20..., tại (*địa điểm thực hiện đề án*). Chúng tôi gồm có:

I. Sở Công Thương tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

II. Trung tâm Khuyến công/tổ chức dịch vụ khuyến công khác/cơ sở công nghiệp nông thôn

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

III. Ủy ban nhân dân huyện/xã nơi thực hiện đề án *(đối với các đề án thực hiện trong các khu, cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp Huyện xác nhận/Ban quản lý khu, cụm công nghiệp xác nhận)*

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

---

[69] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

IV. Đơn vị phối hợp (nếu có)

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

Sau khi kiểm tra thực tế tại cơ sở triển khai đề án khuyến công, chúng tôi thống nhất nghiệm thu kết quả và hiệu quả thực hiện đề án như sau:

1. Thời gian thực hiện đề án (theo thực tế triển khai):

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện đề án

TT	Chỉ tiêu	Theo yêu cầu của hợp đồng	Thực tế đạt được	Ghi chú

3. Đánh giá nhận xét: *(đánh giá tiến độ thực hiện, kết quả, hiệu quả, so với nội dung hợp đồng đã ký; những tồn tại, lý do và kiến nghị)*.....

.....

Biên bản nghiệm thu được lập thành 07 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, Cục Công Thương địa phương[70] 03 bản./.

SỞ CÔNG THƯƠNG *(Ký tên, đóng dấu)*	**ĐƠN VỊ KÝ HỢP ĐỒNG** *(Ký tên, đóng dấu)*
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/XÃ NƠI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN *(Ký tên, đóng dấu)*	**ĐƠN VỊ PHỐI HỢP** *(Ký tên, đóng dấu)*

[70] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 5b[71]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CƠ SỞ
(Áp dụng cho các dạng đề án khởi sự, thành lập doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, tập huấn, hội thảo... tại từng địa điểm triển khai đề án mà Cục Công Thương địa phương không trực tiếp nghiệm thu)

ĐỀ ÁN:.....

- Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018);

- Căn cứ Hợp đồng số..../HĐ-CTĐP ngày.... tháng..... năm.... về việc triển khai thực hiện đề án khuyến công quốc gia giữa Cục Công Thương địa phương và.....

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại (*địa điểm thực hiện đề án*). Chúng tôi gồm có:

I. Sở Công Thương tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

II. Đơn vị ký hợp đồng triển khai đề án khuyến công quốc gia với Cục Công Thương địa phương

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

III. Đơn vị phối hợp (nếu có)

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

Sau khi kiểm tra thực tế tại cơ sở triển khai đề án khuyến công, chúng tôi thống nhất nghiệm thu kết quả và hiệu quả thực hiện đề án như sau:

---

[71] Mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

1. Thời gian thực hiện đề án *(theo thực tế triển khai đề án):*

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện đề án

STT	Chỉ tiêu	Theo yêu cầu của hợp đồng	Thực tế đạt được	Ghi chú

3. Đánh giá nhận xét: *(đánh giá tiến độ thực hiện, kết quả, hiệu quả, so với nội dung hợp đồng đã ký; những tồn tại, lý do và kiến nghị)*.....
.....

Biên bản nghiệm thu được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, gửi Cục Công Thương địa phương 03 bản./.

SỞ CÔNG THƯƠNG	ĐƠN VỊ KÝ HỢP ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 5c

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CƠ SỞ
(Đối với các đề án Cục Công Thương địa phương[72] trực tiếp nghiệm thu)

ĐỀ ÁN:.....

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

Căn cứ hợp đồng số:...../HĐ-CTĐP ngày tháng năm 20..... về việc triển khai thực hiện đề án khuyến công quốc gia giữa Cục Công Thương địa phương[73] và.....

Hôm nay, ngày tháng năm 20...., tại Cục Công Thương địa phương[74], Chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A: CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG[75]

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

---

[72] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[73] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[74] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

[75] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

II. ĐẠI DIỆN BÊN B:

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

Sau khi kiểm tra thực tế và hồ sơ triển khai đề án khuyến công, chúng tôi thống nhất nghiệm thu kết quả và hiệu quả thực hiện đề án như sau:

1. Thời gian thực hiện đề án *(theo thực tế triển khai đề án):*

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện đề án:

TT	Chỉ tiêu	Theo yêu cầu của hợp đồng	Thực tế đạt được	Ghi chú

3. Đánh giá nhận xét: *(đánh giá tiến độ thực hiện, kết quả, hiệu quả, so với nội dung hợp đồng đã ký; những tồn tại, lý do và kiến nghị)*

Biên bản nghiệm thu được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG[76]	ĐƠN VỊ KÝ HỢP ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*

[76] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 6[77]

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG
THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM....

- Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018);

- Căn cứ Hợp đồng thực hiện đề án khuyến công quốc gia đã ký số:..../HĐ-CTĐP, ngày...../...../..... giữa Cục Công Thương địa phương với.....;

- Căn cứ khác (nếu có);

- Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu ngày..... tháng..... năm...,

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm...., tại Hà Nội, chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A: CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG

Địa chỉ cơ quan:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

Người đại diện:....., Chức vụ:.....

Tài khoản số:....., Tại:.....

Mã số sử dụng ngân sách:.....

II. ĐẠI DIỆN BÊN B:

Địa chỉ cơ quan:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

Người đại diện:....., Chức vụ:.....

Tài khoản số:....., Tại:.....

[77] Mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mã số sử dụng ngân sách:.....

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung sau:

1. Phần nội dung thực hiện:

- Khối lượng công việc đã thực hiện (ghi theo biên bản nghiệm thu)
- Khối lượng công việc không thực hiện, kèm theo lý do (nếu có):

2. Phần kinh phí:

- Tổng giá trị hợp đồng:
- Số tiền bên A đã cấp:
- Số tiền bên B được thanh toán:

(Chi tiết quyết toán của từng đề án như biểu kèm theo)

- Số tiền bên B phải nộp trả lại cho bên A:
- Số tiền bên B đã nộp trả lại cho bên A:
- Số tiền bên B còn phải nộp trả lại cho bên A:

3. Những tồn tại cần giải quyết:

.....

Biên bản thanh lý hợp đồng được lập thành 09 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 05 bản, bên B giữ 04 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 7

BIỂU CHI TIẾT QUYẾT TOÁN

KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

(Kèm theo thanh lý của hợp đồng số:...../HĐ-CTĐP ngày.... tháng... năm 20....)

Đơn vị tính: *1.000 đồng*

TT	Tên đề án/ Diễn giải nội dung chi[(1)]	Giá trị hợp đồng	Số chi đề nghị quyết toán	Số chấp nhận quyết toán
1	Đề án....			
2	Đề án.....			
3	Đề án...			
	Tổng cộng			

Đánh giá (*phần này do Cục Công Thương địa phương*[78] *ghi*):

.....

.....

Chi tiết quyết toán được lập làm 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản./.

KẾ TOÁN BÊN B	**KẾ TOÁN BÊN A**
(Ký ghi rõ họ và tên)	*(Ký ghi rõ họ và tên)*

(1). Đơn vị ghi các nội dung chi như tại Phụ lục hợp đồng khuyến công quốc gia đã ký.

[78] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 8a

Đơn vị:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đề án:..... của **Hợp đồng số:.../HĐ-CTĐP ngày... tháng... năm 20...**

Chứng từ		**Nội dung chi**	**Số tiền**	**Ghi chú**
Số hiệu	**Ngày tháng**			
		(Đơn vị tập hợp chứng từ theo các nội dung chi như tại Phụ lục hợp đồng)		
		Tổng cộng		

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Kế toán
(Ký ghi rõ họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 8b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đơn vị:..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đề án:.....
của Hợp đồng số:...../HĐ-CTĐP ngày..... tháng..... năm 20.....

Chứng từ		**Nội dung chi**	**Số tiền**			
			Nguồn kinh phí			**Đề nghị thanh toán**
Số hiệu	**Ngày tháng**		**Khuyến công quốc gia**	**Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng**	**Khác**	
		(Đơn vị tập hợp chứng từ theo các nội dung chi như tại Phụ lục hợp đồng)				
Cộng						

Bằng chữ: *(số tiền đề nghị thanh toán)*..... .....

....., ngày... tháng.... năm 20...

Kế toán **Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 9[79] *(được bãi bỏ)*

[79] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 10[80]

Tên đơn vị:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU KINH PHÍ
Năm....

Kinh phí được cấp trong năm:..... đồng
Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:..... đồng
Kinh phí được quyết toán trong năm:..... đồng
Kinh phí phải trả lại ngân sách nhà nước:..... đồng

Đơn vị tính: *đồng*

STT	Số Hợp đồng	Tên đề án	Giá trị Hợp đồng	Số đã chi đề nghị quyết toán	Số chấp nhận quyết toán
		Tổng cộng			

Kinh phí chưa quyết toán:

- Kinh phí đã đề nghị thanh toán:..... đồng
- Đề án đang thực hiện dở dang chưa quyết toán:..... đồng
- Kinh phí thừa:..... đồng

Kinh phí không được quyết toán/kinh phí thừa, đề nghị đơn vị nộp trả lại Cục Công Thương địa phương, Tài khoản:..... nguồn....., tại Kho bạc Nhà nước....., chương 016, loại 280, khoản 309, mục 7000, tiểu mục 7012.

Ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN BÊN B
Kế toán **Thủ trưởng**

Ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
Kế toán **Thủ trưởng**

[80] Mẫu này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 11

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN... **TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /KH-...	*..., ngày tháng năm 20...*

KẾ HOẠCH

V/v.....

Căn cứ Thông tư liên tịch số /2013/TTLT/BTC-BCT ngày tháng năm 2013 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Thông tư số /2013/TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BCT ngày... tháng... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao kế hoạch khuyến công quốc gia năm 20...;

Căn cứ Hợp đồng số.../HĐ-CTĐP ngày... tháng... năm 20... ký giữa Cục Công Thương địa phương[81] *với... về việc thực hiện đề án khuyến công quốc gia năm 20....;*

Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại các cơ sở .....

I. MỤC TIÊU.....

.....

II. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ

1. Tên nội dung hoạt động 1(1)

1.1. Đơn vị thụ hưởng 1

a) Các thông tin cơ bản

- Tên cơ sở công nghiệp:...; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....; ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....; ngày cấp..... Ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....;

- Địa chỉ trụ sở chính:.....; Điện thoại....., Fax:.....

- Tổng tài sản... tỷ đồng theo bảng cân đối kế toán ngày... tháng... năm....; hoặc tổng số lao động bình quân năm 20... lao động(2). (Tên cơ sở công nghiệp nông thôn) là... đúng đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và Điều 1 Thông tư số 46/2012/TT-BCT.

---

[81] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

b) Nội dung và tiến độ

- Nội dung và tiến độ: (nêu cụ thể các nội dung, chỉ tiêu và tiến độ thực hiện)[3]

.....

- Địa điểm triển khai.....

- Tổng kinh phí:.... triệu đồng. Trong đó, Kinh phí khuyến công quốc gia:..... triệu đồng; Kinh phí doanh nghiệp:... triệu đồng,....

1.2. Đơn vị thụ hưởng 2 (tương tự như mục 1.1)

2. Tên nội dung hoạt động 2 (nếu có): *(Nội dung như mục 1 của mẫu này)*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện.

Trên đây là kế hoạch... của Trung tâm/đơn vị.... kính đề nghị Sở Công Thương thẩm định và xác nhận, gửi Cục Công Thương địa phương[82] để theo dõi, tạm ứng kinh phí cho Trung tâm/đơn vị triển khai thực hiện./.

SỞ CÔNG THƯƠNG/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

[1]. Ghi rõ nội dung hoạt động nếu trong đề án gồm nhiều nội dung. Ví dụ: đề án đào tạo nghề gồm nhiều nhóm nghề đào tạo khác nhau: như Đào tạo nghề may công nghiệp; đào tạo nghề sửa chữa cơ khí,...

[2]. Chỉ ghi đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn là các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp. Đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn không phải ghi phần này.

[3]. Nội dung và tiến độ phải nêu rõ các nội dung, chỉ tiêu giao: Ví dụ: đối với đào tạo nghề nêu rõ số lao động hỗ trợ đào tạo nghề, số lớp, thời gian đào tạo gồm: số tháng và số ngày/tháng. Tiến độ thực hiện.

[82] Cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 12

SỞ CÔNG THƯƠNG **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ[1]

1. Tên nghề đào tạo:.....

2. Đối tượng đào tạo: .....

3. Thời gian đào tạo:.....

4. Hình thức đào tạo: .....

5. Bằng cấp: *(Ghi rõ: sau khi tốt nghiệp học viên được cấp Chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc Chứng nhận đào tạo nghề).*

A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức: .....

2. Về kỹ năng:.....

3. Về thái độ:.....

B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Tên môn học	Nội dung môn học	Thời lượng môn học *(giờ)*				Ghi chú
			Tổng số	Thực hành	Lý thuyết	Kiểm tra	
	Tổng						

C. YÊU CẦU GIẢNG VIÊN

1. Dạy lý thuyết:..... giảng viên chính; là.....[2]; Phụ giảng:..... người

2. Dạy thực hành..... giảng viên chính; là.....[2]; Phụ giảng:..... người.

Sở Công Thương/ **hoặc cơ quan chủ quản** *(Ký tên và đóng dấu)*	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....* **Đơn vị thực hiện đề án** *(Ký tên và đóng dấu)*

[1]. Khi xây dựng chương trình đào tạo nghề phải đảm bảo các quy định hiện hành về chương trình khung cho mỗi môn học hoặc mô-đun; tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên,...

[2]. Ghi rõ giảng viên chính là thợ giỏi hay nghệ nhân,...

Mẫu số 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP HOẶC HỆ THỐNG XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CỤM CÔNG NGHIỆP

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cụm công nghiệp (CCN).....
2. Địa điểm:.....
3. Diện tích:.....
4. Chủ đầu tư:.....

II. HIỆN TRẠNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG CCN VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CCN

1. Hiện trạng đầu tư xây dựng hạ tầng CCN

Đơn vị tính*: Triệu đồng*

TT	Hạng mục	Giá trị theo dự toán được duyệt	Giá trị đã thực hiện	Nguồn vốn đã thực hiện
	Tổng			

2. Hiện trạng thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh vào CCN

TT	Tên doanh nghiệp đã được cấp phép đầu tư	Diện tích thuê *(ha)*	Ghi chú *(doanh nghiệp đã thực hiện đầu tư/chưa thực hiện đầu tư)*
	Tổng		

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠNG MỤC (HOẶC GÓI THẦU)/HỆ THỐNG XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CCN CÓ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

Đơn vị tính*: Triệu đồng*

TT	Hạng mục đầu tư(1)	Tổng dự toán được duyệt	Dự kiến kế hoạch kinh phí đầu tư phân theo năm						
			Năm....(2)			Năm....(2)			Ghi chú (3)
			Tổng	KCQG hỗ trợ	Nguồn khác	Tổng	KCQG hỗ trợ	Nguồn khác	
A	*B*	*1=2+5*	*2=3+4*	*3*	*4*	*5=6+7*	*6*	*7*	*C*
	Tổng								

IV. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên và đóng dấu)

(1). Ghi rõ tên hạng mục (hoặc gói thầu) hoặc hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường dự kiến đầu tư.

(2). Ghi rõ năm dự kiến thực hiện đầu tư;

(3). Ghi rõ nguồn kinh phí tại các cột 4, 7.

Mẫu số 14[83]

Tên đơn vị:.....

BẢN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH
KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM...
(Áp dụng đối với Đề án điểm)

1. Tên đề án:.....
2. Tên đơn vị thực hiện:.....
3. Biểu đăng ký:

Đơn vị tính: *Triệu đồng*

STT	Nội dung và mục tiêu	Dự kiến kết quả đạt được	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó									Thời gian thực hiện[1]	
				Kinh phí khuyến công quốc gia			Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng			Nguồn khác				
				Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm ...	BĐ	KT
1														
2														
...														
	Tổng cộng													

..., ngày... tháng... năm...
Thủ trưởng[2]
(Ký tên, đóng dấu)

[1] Thời gian thực hiện tính theo tháng gồm: Bắt đầu (BĐ) và Kết thúc (KT).

[2] Thủ trưởng đơn vị là Giám đốc Sở Công Thương ký đối với đề án do Sở Công Thương đăng ký; Giám đốc Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng ký đối với đề án do Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng đăng ký; Thủ trưởng của các tổ chức dịch vụ khuyến công khác ký đối với các đề án do tổ chức dịch vụ khuyến công đăng ký.

[83] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 15[84]

Tên đơn vị:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
(Áp dụng đối với đề án điểm, đề án nhóm)

Tên đề án:.....

Đơn vị thực hiện:.....

- Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017);

- Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018);

- Căn cứ Hồ sơ đề án đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia năm... của...;

- Căn cứ Quyết định số..../QĐ-BCT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia năm 2018;

- Căn cứ Hợp đồng thực hiện đề án khuyến công quốc gia đã ký số:...../HĐ-CTĐP, ngày...../...../..... giữa Cục Công Thương địa phương và:.....;

- Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn (cơ sở CNNT);

Trung tâm khuyến công... xây dựng kế hoạch triển khai đề án KCQG điểm/đề án nhóm thực hiện năm... như sau:

I. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ

1. Tên nội dung hoạt động 1:.....

[84] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

1.1. Đơn vị thụ hưởng 1

a) Các thông tin cơ bản

- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn....; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:... ; ngành nghề kinh doanh (có liên quan):...; ngày cấp:...; nơi cấp....

- Địa điểm đăng ký kinh doanh:.....; Địa điểm thực hiện:.....

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm... là... lao động. Tổng doanh thu của năm là... đồng; Tổng nguồn vốn là...đồng theo Báo cáo tài chính năm. [(1)].

Nhận xét: (Tên cơ sở công nghiệp nông thôn) là đúng đối tượng theo quy định.

b) Nội dung, tiến độ, địa điểm triển khai

- Nội dung và tiến độ: (Nêu cụ thể nội dung, chỉ tiêu, tiến độ thực hiện).

- Địa điểm triển khai.....

c) Tổng kinh phí:... triệu đồng. Trong đó, Kinh phí KCQG:..... triệu đồng; Kinh phí của cơ sở CNNT:... triệu đồng,....

Cam kết nội dung đề nghị hỗ trợ chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước.

1.2. Đơn vị thụ hưởng 2: *(chi tiết như mục 1.1)*

2. Tên nội dung hoạt động 2: *(tương tự như mục 1)*

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện đề án KCQG điểm thực hiện năm... (Tên đề án) của Trung tâm khuyến công... Đề nghị Cục Công Thương địa phương theo dõi, tạm ứng kinh phí cho Trung tâm/đơn vị triển khai thực hiện./.

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG *(Ghi rõ ý kiến thẩm định; ký tên, đóng dấu)*	**TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG** *(Ký tên, đóng dấu)*

[(1)]. Chỉ ghi đối với cơ sở công nghiệp nông thôn là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn không phải ghi phần này.

Mẫu số 16[85]

BẢN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM....

(Áp dụng đối với nội dung hoạt động khuyến công thuộc các năm tiếp theo năm đầu kỳ kế hoạch của đề án điểm)

Kính gửi: - Cục Công Thương địa phương, Bộ Công Thương
- Sở Công Thương..... (nơi triển khai đề án)

- Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017);

- Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018);

- Căn cứ (tên đề án) đã được Bộ Công Thương phê duyệt kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện năm....;

- Căn cứ tình hình triển khai (tên đề án) năm..... và kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn;

(Tên đơn vị thực hiện)..... đăng ký các nội dung hoạt động khuyến công thực hiện trong năm..., thuộc đề án điểm... *(Tên đề án điểm),* như sau:

I. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ

1. Tên nội dung hoạt động 1:.....

1.1. Đơn vị thụ hưởng 1

a) Các thông tin cơ bản

- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn.....; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....; ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....; ngày cấp:.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại....., Fax:.....

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm... là... lao động. Tổng doanh thu của năm là... đồng; Tổng nguồn vốn là... đồng theo Báo cáo tài chính năm.... (1).

---

[85] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Nhận xét: (Tên cơ sở công nghiệp nông thôn) là đúng đối tượng theo quy định.

b) Riêng đối với nội dung ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến hoặc xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật: Tóm tắt những đặc điểm vượt trội của công nghệ, sản phẩm, máy móc,... cần hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2012/TT-BCT và Thông tư số 20/2017/TT-BCT.

c) Nội dung, tiến độ, địa điểm triển khai

- Nội dung và tiến độ: (Nêu cụ thể nội dung, chỉ tiêu, tiến độ thực hiện).

- Địa điểm triển khai.....

d) Tổng kinh phí:.... triệu đồng. Trong đó, Kinh phí KCQG:..... triệu đồng; Kinh phí của cơ sở CNNT:... triệu đồng,....

Cam kết nội dung đề nghị hỗ trợ chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước.

1.2. Đơn vị thụ hưởng 2: *(chi tiết như mục 1.1)*

2. Tên nội dung hoạt động 2: *(tương tự như mục 1)*

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện đề án KCQG điểm thực hiện năm... *(Tên đề án)* của Trung tâm khuyến công... Đề nghị Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở, Cục Công Thương địa phương, tổng hợp thẩm định cấp Bộ và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt./.

TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG
(Ký tên, đóng dấu)

---

(1). Chỉ ghi đối với cơ sở công nghiệp nông thôn là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn không phải ghi phần này.

Mẫu số 17[86]

SỞ CÔNG THƯƠNG..... **HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CƠ SỞ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN HỌP ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA
VỀ SẢN XUẤT SẠCH HƠN

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề án:.....

Đơn vị thực hiện đề án: Trung tâm Khuyến công.....

Đơn vị phối hợp thực hiện đề án:.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở số: /QĐ-SCT ngày.... tháng..... năm..... của Giám đốc Sở Công Thương..... về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở đối với đề án khuyến công quốc gia năm..... về hỗ trợ sản xuất sạch hơn.

3. Địa điểm họp Hội đồng:.....

Thời gian họp Hội đồng: Từ....., ngày...../...../..... đến....., ngày...../...../.....

4. Tổng số thành viên Hội đồng:..... người

Số thành viên vắng mặt:.....;

Số thành viên có mặt:....., gồm các thành viên:

- Ông.....	- Chủ tịch hội đồng;
- Ông.....	- Ủy viên Phản biện 1;
- Ông.....	- Ủy viên Phản biện 2;
- Ông.....	- Ủy viên - Thư ký;
- Bà.....	- Ủy viên.
-	

[86] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

5.1 Phía cơ quan chủ trì Đề án: Trung tâm Khuyến công.....

- Ông..... - Chức vụ:

- Ông..... - Chức vụ:

5.2 Phía cơ sở công nghiệp được hỗ trợ (tên cơ sở):.....

- Ông.....

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ

(Ghi chép, tổng hợp các nội dung làm việc của Hội đồng)

1. Nghiệm thu về mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản với mức chất lượng và yêu cầu cần đạt nêu trong Hợp đồng khuyến công quốc gia.

2. Chất lượng của Báo cáo kết quả đề án và tài liệu cần thiết kèm theo: Các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (yêu cầu đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic).

III. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

1. Kết luận:

a) Trường hợp đề án được xếp loại "Đạt":

☐ Đủ điều kiện đánh giá kết quả đề án

☐ Xem xét, ghi nhận, hoàn thiện hồ sơ

b) Trường hợp đề án xếp loại "Không đạt"

☐ Đề nghị gia hạn thời gian thực hiện

☐ Đề nghị không gia hạn thời gian thực hiện

2. Kiến nghị, đề xuất:

Xác nhận của các thành viên hội đồng

Ông:.....

Ông:.....

Ông:.....

Ông:.....

Bà:.....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

Phụ lục 2

(Kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU GỬI KÈM CỦA MỘT SỐ DẠNG ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

TT	Dạng đề án	Tài liệu bổ sung
1	Đào tạo nghề, truyền nghề	Chương trình đào tạo theo mẫu quy định tại Mẫu số 12 Phụ lục 1 của Thông tư này. Giáo trình hoặc tài liệu đào tạo nghề có xác nhận của Sở Công Thương (nếu có).
2	Hoạt động biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo nghề, khởi sự, quản trị doanh nghiệp công nghiệp nông thôn và đào tạo cán bộ khuyến công	Đề cương Chương trình, giáo trình hoặc tài liệu sẽ biên soạn.
3	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, kèm quyết định đầu tư của chủ đầu tư (trừ trường hợp hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác).
4	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền (trừ trường hợp hộ kinh doanh cá thể).
5	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, trong đó có cam kết về vốn đối ứng để thực hiện; - Bản sao hợp lệ quyết định thành lập cụm công nghiệp; - Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp của cấp có thẩm quyền (trường hợp quyết định của doanh nghiệp, phải kèm theo văn bản thẩm tra của đơn vị có chức năng).

6	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng hạng mục công trình (hoặc gói thầu) hạ tầng của cụm công nghiệp, trong đó có cam kết vốn đối ứng để thực hiện; - Báo cáo tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đến thời điểm xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo Mẫu số 13 của Thông tư này; - Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; - Bản sao hợp lệ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp (nếu có); - Bản sao hợp lệ: Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán của hạng mục công trình (hoặc gói thầu) đề nghị hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
7	Hỗ trợ hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp	- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường của cụm công nghiệp, trong đó có cam kết vốn đối ứng để thực hiện; - Báo cáo tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đến thời điểm xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo Mẫu số 13 của Thông tư này; - Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; Giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp (nếu có); - Bản sao hợp lệ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và dự toán hạng mục công trình xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường chung của cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục 3

(Kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

QUY ĐỊNH CỤ THỂ HỆ SỐ MỨC ƯU TIÊN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

1. Một số hoạt động khuyến công ưu tiên hỗ trợ, gồm: Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp; Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; Hỗ trợ xây dựng đăng ký thương hiệu; Thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn; Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp; Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn ô nhiễm môi trường di dời vào khu, cụm công nghiệp; Hỗ trợ hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp và các cơ sở công nghiệp nông thôn; Quản lý chương trình, đề án khuyến công.

2. Mức ưu tiên hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia theo địa bàn:

- Các đề án khuyến công thực hiện tại địa bàn quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư: mức hỗ trợ tối đa bằng mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ do Bộ Tài chính và Bộ Công Thương quy định.

- Các đề án khuyến công thực hiện tại địa bàn quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6, Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư: mức ưu tiên hỗ trợ tối đa không quá 50% mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ tăng thêm do Bộ Tài chính và Bộ Công Thương quy định.

3. Mức ưu tiên hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia theo ngành nghề:

- Các đề án khuyến công hỗ trợ phát triển các ngành nghề: quy định tại Điểm a, b, d, đ Khoản 2 Điều 6, Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012

của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công và sản suất sản phẩm thuộc chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực; công nghiệp trọng điểm của quốc gia, vùng, miền: mức hỗ trợ tối đa bằng mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ do Bộ Tài chính và Bộ Công Thương quy định.

- Các đề án khuyến công hỗ trợ phát triển các ngành nghề: quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 6, Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công và sản xuất sản phẩm thuộc chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực; công nghiệp trọng điểm của quốc gia, vùng, miền: mức ưu tiên hỗ trợ tối đa không quá 50% mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ tăng thêm do Bộ Tài chính và Bộ Công Thương quy định.

4. Trong trường hợp đề án vừa thuộc địa bàn ưu tiên vừa thuộc ngành nghề ưu tiên, chỉ được chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

Phụ lục 4[87]

(Kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

QUY ĐỊNH CHỨNG TỪ GỐC CỦA MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

TT	Nội dung chi	Chứng từ
I	**Hoạt động tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề**	
1	Chi phí tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề	Các chứng từ chi cho việc tuyển sinh, trang trí khánh tiết, thuê hội trường, mua mẫu chứng chỉ học nghề cho học viên theo quy định.
2	Chi mua/in tài liệu, giáo trình, học liệu học nghề (gọi chung là tài liệu)	Hóa đơn tài chính kèm theo tài liệu và danh sách ký nhận tài liệu (Hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định của Kho bạc Nhà nước).
3	Chi thù lao giáo viên, người dạy nghề	- Hợp đồng giảng dạy trong đó nêu rõ số buổi giảng, số tiền/buổi giảng, nội dung chương trình giảng dạy; kèm theo danh sách ký nhận tiền/giấy biên nhận. - Thanh lý hợp đồng kèm theo bảng chấm công học viên, giáo viên trong thời gian đào tạo. (Trường hợp thuê giáo viên là nghệ nhân phải có bản sao hợp lệ văn bằng danh hiệu kèm theo; giáo viên của các viện, trường và đối tượng khác phải có xác nhận của đơn vị quản lý trực tiếp/cơ quan có thẩm quyền).
4	Hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề	- Hợp đồng (chủng loại, số lượng, đơn giá), thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính về mua nguyên, nhiên, vật liệu. - Chứng từ giao nhận nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho đào tạo nghề: Phiếu xuất kho hoặc biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện học viên hoặc danh sách xác nhận nhận nguyên vật liệu của học viên (có chữ ký của người nhận theo quy định). - Các hồ sơ tài liệu liên quan: Biên bản bàn giao sản phẩm sau đào tạo, biên bản thanh lý nguyên vật liệu hoặc sản phẩm không thể thu hồi (nếu có).

[87] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018.

		- Nếu mua nguyên liệu (hàng nông, lâm, thủy sản chưa qua chế biến) của người trực tiếp sản xuất thì phải có bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn như quy định tại mẫu 01/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
5	Chi thuê lớp học, thuê thiết bị dạy nghề chuyên dụng (nếu có)	- Hợp đồng thuê (trong đó ghi rõ thời gian thuê, số lượng và đơn giá thuê), thanh lý hợp đồng; hóa đơn tài chính. - Riêng trường hợp đào tạo ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa thuê lớp học của xã/thôn/bản/cá nhân không có hóa đơn tài chính: Hợp đồng (ghi rõ đơn vị bán không có hóa đơn tài chính) và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (đối với thôn, bản và cá nhân); thanh lý hợp đồng, kèm theo phiếu thu/biên nhận là cơ sở để thanh toán.
6	Chi thuê phương tiện vận chuyển thiết bị dạy nghề đối với trường hợp dạy nghề lưu động	Hợp đồng thuê (trong đó ghi rõ thời gian thuê, số lượng và đơn giá thuê), thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính.
7	Trích khấu hao tài sản cố định phục vụ lớp học (nếu có)	Chứng từ của đơn vị trích khấu hao các tài sản liên quan phục vụ lớp học theo quy định.
8	Chi phí chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê khoán chuyên môn kèm theo sản phẩm theo từng hợp đồng. Ngoài ra, kèm theo 01 bộ tài liệu hoàn chỉnh do cấp có thẩm quyền phê duyệt.
9	Chi cho công tác quản lý lớp học	Quyết định cử cán bộ quản lý lớp học và các tài liệu, hồ sơ quản lý lớp học hoặc các chứng từ chi trực tiếp phục vụ cho việc quản lý lớp học.
10	Đối với khoản chi hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại trong thời gian học cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, thợ giỏi và nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp	Danh sách chi tiền cho học viên học viên đủ tiêu chuẩn được hỗ trợ theo từng tháng (có ghi rõ khoảng cách địa lý, có chữ ký nhận của học viên): - Xác nhận của chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn) nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của học viên (đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số). - Xác nhận của Sở Công Thương địa phương nơi cư trú (đối với thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp).

II	**Hoạt động biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu**	
1	Nội dung chi chung	
	a) Chi cho hội nghị, tập huấn (nếu có)	
	- Thuê hội trường tổ chức hội nghị, tập huấn (trường hợp đơn vị phải thuê ngoài); thuê máy chiếu, trang thiết bị trực tiếp phục vụ hội nghị, tập huấn	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê và hóa đơn tài chính.
	- In tài liệu	Hóa đơn tài chính kèm theo bộ tài liệu và danh sách ký nhận tài liệu của các đại biểu tham dự (Hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định của Kho bạc Nhà nước).
	- Thuê xe ô tô đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức hội nghị, tập huấn	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê xe và hóa đơn tài chính.
	- Thuê giảng viên, báo cáo viên (nếu có)	Danh sách ký nhận tiền hoặc giấy biên nhận; hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền (tiền phòng nghỉ); vé tàu xe/hóa đơn thu tiền kèm thẻ lên máy bay (chi phí đi lại).
	- Chi phí cho ban tổ chức	Giấy đi đường (phụ cấp lưu trú), hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền theo mức khoán (tiền phòng nghỉ); vé tàu xe/hóa đơn thu tiền kèm thẻ lên máy bay (chi phí đi lại).
	- Chi khác như: Làm thêm giờ, tiền thuốc chữa bệnh thông thường, tiền nước uống, trang trí hội trường,...	Hóa đơn chứng từ theo quy định.
	b) Chi công tác phí	Giấy đi đường (phụ cấp lưu trú), hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền theo mức khoán (tiền phòng nghỉ); vé tàu xe/hóa đơn thu tiền kèm thẻ lên máy bay (chi phí đi lại).
	c) Chi in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu	Hóa đơn tài chính kèm theo bộ tài liệu và danh sách ký nhận tài liệu của các đại biểu tham dự (Hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định của Kho bạc nhà nước).
2	Chi đặc thù cho biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu (biên soạn chương	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính hoặc hợp đồng thuê khoán chuyên môn, thanh lý hợp đồng; kèm theo sản phẩm của từng hợp đồng.

	trình hoặc viết giáo trình, tài liệu; sửa chữa và biên tập tổng thể; thẩm định nhận xét)	Ngoài ra, kèm theo 01 bộ tài liệu hoàn chỉnh do cấp có thẩm quyền phê duyệt.
III	**Hoạt động đào tạo, tập huấn: Khởi sự, nâng cao năng lực cho cơ sở công nghiệp nông thôn và cán bộ khuyến công; hội thảo, diễn đàn.**	
1	Đối với hoạt động đào tạo: Khởi sự, nâng cao năng lực cho cơ sở công nghiệp nông thôn và cán bộ khuyến công	
	a) Chi cho giảng viên: - Chi thù lao cho giảng viên (đã bao gồm cả việc soạn giáo án bài giảng):	Hợp đồng giảng dạy trong đó nêu rõ số buổi giảng, số tiền/buổi giảng, nội dung chương trình giảng dạy, thời gian giảng (giảng viên phải có giấy giới thiệu của đơn vị đang công tác hoặc bản sao hợp lệ văn bằng kèm theo để xác định mức chi trả theo quy định) và thanh lý hợp đồng; kèm theo danh sách ký nhận tiền/giấy biên nhận.
	- Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	Hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền (theo mức khoán).
	- Chi phí đưa đón	Vé tàu, xe/phiếu thu tiền vận chuyển kèm theo thẻ lên máy bay.
	- Chi phí thuê phòng nghỉ	Hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền (theo mức khoán).
	b) Chi tổ chức lớp học:	
	- Thuê hội trường (hoặc phòng học), thuê dụng cụ giảng dạy như đèn chiếu, máy vi tính,...	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê và hóa đơn tài chính.
	- Tài liệu học tập theo nội dung chương trình khóa học cho học viên (không bao gồm tài liệu tham khảo); in chứng chỉ công nhận hoàn thành khóa học	Hóa đơn tài chính kèm theo bộ tài liệu và danh sách ký nhận tài liệu của các học viên tham dự (Hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định của Kho bạc nhà nước).
	- Chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, trông giữ xe, văn phòng phẩm,...)	Có thể tính chung vào hợp đồng thuê hội trường hoặc hóa đơn tài chính hoặc biên nhận (đối với thuê cá nhân).
	- Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi; hội đồng xét kết quả; chi khai giảng, bế giảng; cấp chứng chỉ, khen thưởng học viên xuất sắc	Hóa đơn tài chính hoặc giấy biên nhận hoặc bảng kê công việc có ký nhận của người thực hiện hoặc danh sách có ký nhận theo quy định.

	c) Chi quản lý, phục vụ lớp học:	
	- Công tác phí cho cán bộ quản lý lớp học (trường hợp tổ chức lớp ở xa cơ sở đào tạo)	Giấy đi đường (phụ cấp lưu trú), hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền (tiền phòng nghỉ), vé tàu xe/phiếu thu tiền cước vận chuyển kèm theo thẻ lên máy bay.
	- Các khoản chi khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học (nếu có)	Hóa đơn tài chính hoặc giấy biên nhận hoặc bảng kê công việc có ký nhận của người thực hiện theo quy định.
	d) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê xe và hóa đơn tài chính.
	đ) Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên (nếu có)	Bảng kê chi tiền ăn theo mức thanh toán khoán cho học viên (có ký nhận của từng học viên) hoặc hóa đơn tài chính thanh toán tiền ăn theo thực tế đã được quy định.
2	Đối với hoạt động tập huấn: Khởi sự, quản trị doanh nghiệp; hội thảo; diễn đàn (gọi tắt là hội nghị)	
	- Thuê hội trường tổ chức hội nghị (trường hợp đơn vị phải thuê ngoài); thuê máy chiếu, trang thiết bị trực tiếp phục vụ hội nghị	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê hội trường và hóa đơn tài chính.
	- In tài liệu	Hóa đơn tài chính kèm theo bộ tài liệu và danh sách ký nhận tài liệu của các đại biểu tham dự (Hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định của Kho bạc nhà nước).
	- Tiền tài liệu, bút giấy (nếu có) cho đại biểu	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính.
	- Thuê xe ô tô từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức hội nghị (nếu có)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê xe và hóa đơn tài chính.
	- Thuê giảng viên, báo cáo viên (nếu có)	Danh sách ký nhận tiền hoặc giấy biên nhận; hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền (tiền phòng nghỉ, hỗ trợ tiền ăn); vé tàu xe/phiếu thu tiền cước vận chuyển kèm thẻ lên máy bay (chi phí đi lại).
	- Chi nước uống trong hội nghị	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính.
	- Chi phí cho ban tổ chức	Giấy đi đường (phụ cấp lưu trú), hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền (tiền phòng nghỉ); vé tàu xe/phiếu thu tiền cước vận chuyển kèm thẻ lên máy bay (chi phí đi lại).

	- Chi khác như: Tiền làm thêm giờ, tiền thuốc chữa bệnh thông thường, trang trí hội trường...	Hóa đơn chứng từ theo quy định.
	- Chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp (nếu có)	Bảng kê chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ theo mức thanh toán khoán cho đại biểu (có ký nhận của từng đại biểu hoặc hóa đơn tài chính thanh toán tiền ăn, thuê phòng nghỉ theo thực tế đã được quy định.
	- Chi hỗ trợ tiền tàu xe đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp (nếu có)	Vé tàu, xe vận tải công cộng từ nơi đại biểu ở đến địa điểm hội nghị hoặc danh sách nhận tiền thanh toán khoán tự túc phương tiện (có ký nhận của từng đại biểu).
IV	**Hoạt động hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn**	
	1. Trường hợp đơn vị thực hiện đề án không trực tiếp thực hiện	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ kinh phí thành lập doanh nghiệp công nghiệp giữa đơn vị thực hiện đề án và tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập doanh nghiệp; kèm theo bản sao hợp lệ chứng từ tương ứng như sau: - Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê tư vấn: Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê tư vấn và hóa đơn tài chính. - Trường hợp tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện: Chứng từ chi cho các nội dung nghiên cứu hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, dự án thành lập doanh nghiệp, phí đăng ký thành lập doanh nghiệp.
	2. Trường hợp đơn vị thực hiện đề án trực tiếp thực hiện	Chứng từ, hóa đơn theo quy định.
V	**Hoạt động hỗ trợ: Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; đánh giá sản xuất sạch hơn**	
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	
		- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và cơ sở công nghiệp nông thôn. - Bản sao hợp lệ các chứng từ tương ứng với giá trị kinh phí hỗ trợ như sau:

1.1	Chi phí đầu tư xây dựng mô hình:	
	- Chi phí xây dựng cơ bản:	
	+ Trường hợp cơ sở công nghiệp nông thôn thuê ngoài	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng xây dựng, biên bản nghiệm thu, bàn giao khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành, hóa đơn tài chính theo quy định.
	+ Trường hợp cơ sở công nghiệp nông thôn trực tiếp thực hiện phải tập hợp các chứng từ	Hóa đơn chứng từ mua nguyên vật liệu, chi phí nhân công,... liên quan đến xây dựng cơ bản.
	- Chi phí mua sắm thiết bị:	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua sắm thiết bị; biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị; hóa đơn tài chính.
1.2	- Chi phí tổ chức hội nghị giới thiệu mô hình:	
	+ Thuê hội trường tổ chức hội nghị (trường hợp đơn vị phải thuê ngoài); thuê máy chiếu, trang thiết bị trực tiếp phục vụ hội nghị; trang trí hội trường	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê hội trường và hóa đơn tài chính.
	+ In tài liệu	Hóa đơn tài chính kèm theo bộ tài liệu và danh sách ký nhận tài liệu của các đại biểu tham dự (Hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định của Kho bạc Nhà nước).
	+ Tiền tài liệu, bút giấy (nếu có) cho đại biểu	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính.
	+ Thuê xe ô tô từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức hội nghị (nếu có)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê xe và hóa đơn tài chính.
	+ Chi nước uống trong hội nghị	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính.
	- Chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp (nếu có)	Bảng kê chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ theo mức thanh toán khoán cho đại biểu (có ký nhận của từng đại biểu hoặc hóa đơn tài chính thanh toán tiền ăn, thuê phòng nghỉ theo thực tế đã được quy định.

	+ Chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp (nếu có)	Vé tàu, xe vận tải công cộng từ nơi đại biểu ở đến địa điểm hội nghị hoặc danh sách nhận tiền thanh toán khoán tự túc phương tiện (có ký nhận của từng đại biểu).
1.3	Chi phí quản lý	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng ký kết với cá nhân hoặc quyết định của đơn vị cử cán bộ tham gia quản lý, chỉ đạo, kiểm tra giám sát đề án; các chứng từ chi phục vụ cho việc quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát (giấy đi đường, hóa đơn thuê phòng nghỉ, xăng xe, làm thêm giờ, văn phòng phẩm, chi khác phục vụ cho việc thực hiện đề án).
2	Hỗ trợ chuyển giao công nghệ	
2.1	Chi phí chuyển giao công nghệ	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và cơ sở công nghiệp nông thôn; kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ của cơ sở công nghiệp nông thôn theo quy định, hóa đơn tài chính.
2.2	Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như với đề án xây dựng mô hình TDKT.
3	Hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến	
3.1	Chi phí đầu tư ứng dụng máy móc tiên tiến	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và cơ sở công nghiệp nông thôn; bản sao hợp lệ hợp đồng mua máy móc tiên tiến của cơ sở công nghiệp nông thôn theo quy định, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính.
3.2	Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như với đề án xây dựng mô hình TDKT.
4	Hỗ trợ đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	
	a) Chi cho nhóm đánh giá sản xuất sạch hơn	Quyết định thành lập nhóm đánh giá sản xuất sạch hơn do cấp có thẩm quyền phê duyệt và các chứng từ chi theo quy định.
	b) Chi phí phân tích, đánh giá các kết quả, định mức của hệ thống sản xuất	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê khoán chuyên môn/Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính (nếu thuê tư vấn đánh giá) kèm theo sản phẩm của từng hợp đồng.

	c) Chi phí hội họp đánh giá kết quả sản xuất sạch hơn:	
	Thuê hội trường tổ chức hội nghị (trường hợp đơn vị phải thuê ngoài); thuê máy chiếu, trang thiết bị trực tiếp phục vụ hội nghị	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê hội trường và hóa đơn tài chính.
	- In tài liệu	Hóa đơn tài chính kèm theo bộ tài liệu và danh sách ký nhận tài liệu của các đại biểu tham dự (Hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định của Kho bạc Nhà nước).
	- Tiền tài liệu, bút giấy cho đại biểu (nếu có)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính.
	- Chi nước uống trong hội nghị	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính.
	- Chi phí cho ban tổ chức	Giấy đi đường (phụ cấp lưu trú), hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền (tiền ở); vé tàu xe/phiếu thu tiền cước vận chuyển kèm thẻ lên máy bay (chi phí đi lại).
	- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp (nếu có)	Bảng kê chi tiền ăn theo mức thanh toán khoán cho đại biểu (có ký nhận của từng đại biểu) hoặc hóa đơn tài chính thanh toán tiền ăn theo thực tế đã được quy định.
	- Chi hỗ trợ tiền tàu xe cho đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp (nếu có)	Vé tàu, xe vận tải công cộng từ nơi đại biểu ở đến địa điểm hội nghị hoặc danh sách nhận tiền thanh toán khoán tự túc phương tiện (có ký nhận của từng đại biểu).
VI	**Hoạt động phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu**	
1	Hoạt động tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia	
	a) Chi thông tin tuyên truyền	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và hóa đơn tài chính.
	b) Chi cho Hội đồng bình chọn, Ban giám khảo (tiền nghỉ, đi lại, phụ cấp lưu trú)	Giấy đi đường (phụ cấp lưu trú), hóa đơn tài chính/danh sách ký nhận tiền (tiền ở); chứng từ theo quy định (chi phí đi lại); kèm theo quyết định thành lập Hội đồng bình chọn, Ban giám khảo.

	c) Chi thuê chuyên gia	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê chuyên gia.
	d) Thuê địa điểm thực hiện công tác bình chọn (nếu có)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê địa điểm và hóa đơn tài chính.
	đ) Chi thiết kế, in ấn giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; chi thiết kế, gia công tặng phẩm (cúp, kỷ niệm chương)	Hóa đơn tài chính (Hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định của Kho bạc Nhà nước).
	e) Chi cho Lễ công bố tôn vinh sản phẩm (thuê hội trường, trang trí, âm thanh, ánh sáng, chi phí phục vụ lễ trao giải)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính.
	g) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiểu biểu được bình chọn	Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh sách ký nhận tiền khen thưởng.
2	Hoạt động tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ	
2.1	a) Trường hợp đơn vị thực hiện đề án là Trung tâm Khuyến công (đấu thầu để lựa chọn đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giữa đơn vị thực hiện đề án và đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm kèm theo hóa đơn tài chính.
	b) Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như đối với đề án XD mô hình TDKT.
2.2	Trường hợp đơn vị thực hiện đề án là đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm (sau khi Cục Công Thương địa phương đã thực hiện đấu thầu để lựa chọn nhà thầu)	- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính xuất cho Cục Công Thương địa phương.
3	Hoạt động hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia hội chợ triển lãm	
3.1	a) Trường hợp đơn vị thực hiện đề án là Trung tâm Khuyến công có ký hợp đồng với đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giữa đơn vị thực hiện đề án và đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm và hóa đơn tài chính; kèm theo bản sao hợp lệ: - Hợp đồng thuê gian hàng giữa cơ sở công nghiệp nông thôn và đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ (trong đó phải ghi rõ vị trí gian hàng, số lượng gian hàng, giá thuê gian hàng và mức được khuyến công quốc gia hỗ trợ).

		- Hóa đơn tài chính của đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm thu tiền thuê gian hàng của cơ sở công nghiệp nông thôn (số tiền cơ sở công nghiệp nông thôn tự chi trả).
	b) Trường hợp đơn vị thực hiện đề án hỗ trợ trực tiếp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các hội chợ triển lãm	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ; kèm theo bản sao hợp lệ: - Hợp đồng thuê gian hàng giữa cơ sở công nghiệp nông thôn và đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ (trong đó phải ghi rõ vị trí gian hàng, số lượng gian hàng, giá thuê gian hàng và mức được khuyến công quốc gia hỗ trợ). - Hóa đơn tài chính của đơn vị sự kiện tổ chức hội chợ, triển lãm thu tiền thuê gian hàng của cơ sở công nghiệp nông thôn.
3.2	Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như đối với đề án XD mô hình TDKT.
4	Hoạt động hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu	
4.1	a) Trường hợp đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức dịch vụ khuyến công không trực tiếp thực hiện	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và cơ sở công nghiệp nông thôn; kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính giữa cơ sở công nghiệp nông thôn và đơn vị tư vấn xây dựng đăng ký nhãn hiệu. Đối với những nội dung cơ sở công nghiệp nông thôn tự thực hiện: Bản sao hợp lệ các chứng từ theo quy định.
	b) Trường hợp đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức dịch vụ khuyến công trực tiếp thực hiện	Chứng từ, hóa đơn theo quy định.
4.2	Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như đối với đề án XD mô hình TDKT.
VII	**Hoạt động tư vấn trợ giúp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (theo các lĩnh vực đã quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP)**	
1	a) Trường hợp đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức dịch vụ khuyến công không trực tiếp thực hiện	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ; bản sao hợp lệ hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính giữa cơ sở công nghiệp nông thôn và đơn vị tư vấn; kèm theo sản phẩm của kết quả hoạt động tư vấn.

	b) Trường hợp đơn vị thực hiện đề án trực tiếp thực hiện	Chứng từ, hóa đơn theo quy định.
2	Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như đối với đề án XD mô hình TDKT.
VIII	**Hoạt động hỗ trợ: Lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp và tại cơ sở công nghiệp nông thôn**	
1a	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp (đơn vị thực hiện đề án là tổ chức dịch vụ khuyến công)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ giữa tổ chức dịch vụ khuyến công và chủ đầu tư; kèm theo bản sao hợp lệ các chứng từ tương ứng của chủ đầu tư dưới đây: - Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn. - Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp thực hiện: Các chứng từ chi các nội dung công việc thực hiện lập quy hoạch theo quy định.
1b	Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như đối với đề án XD mô hình TDKT.
2a	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp và tại cơ sở công nghiệp nông thôn (đơn vị thực hiện đề án là tổ chức dịch vụ khuyến công)	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hỗ trợ giữa tổ chức dịch vụ khuyến công và chủ đầu tư; kèm theo bản sao hợp lệ các chứng từ tương ứng của chủ đầu tư dưới đây: - Trường hợp chủ đầu tư thuê nhà thầu: Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu; hóa đơn tài chính. - Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp thực hiện: Các chứng từ chi trên cơ sở bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc và theo định mức, đơn giá quy định của Nhà nước.
2b	Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như đối với đề án XD mô hình TDKT.
IX	**Hoạt động hỗ trợ: các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt giải**	
	Chi hỗ trợ phòng trưng bày	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và cơ sở công nghiệp nông thôn; bản sao hợp lệ hợp đồng mua trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày của cơ sở công nghiệp nông thôn, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính.
	Chi phí quản lý đề án	Thực hiện như với đề án xây dựng mô hình TDKT.